

# Dịch vụ tư vấn khi gặp khó khăn

**MieCo**

Bạn có thể trao đổi với chúng tôi về những vấn đề khó khăn của mình. Việc tư vấn là hoàn toàn miễn phí.



① Gọi đến số **080-3300-8077**

② Nói tên ngôn ngữ của bạn bằng tiếng Nhật

③ Bắt đầu buổi tư vấn.

Thứ Hai ~ Thứ Sáu  
9 : 0 0 ~ 1 6 : 0 0

▼ Ngôn ngữ hỗ trợ



English

한국어

Português

Filipino

ภาษาไทย

中文

Tiếng Việt

Español

Bahasa Indonesia

नेपाली भाषा

## Cứu hỏa / Cứu thương

Có thể gọi điện bằng tiếng nước ngoài.

※ Một số khu vực có thể không hỗ trợ

① Bấm số **1 1 9**

② Nói tên quốc gia và ngôn ngữ của bạn bằng tiếng Nhật.

③ Thông dịch viên sẽ được kết nối vào cuộc gọi.



▼ Các ngôn ngữ hỗ trợ chính (Hỗ trợ tổng cộng 22 ngôn ngữ)

English

Français

Tiếng Việt

မြန်မာဘာသာစကား

नेपाली भाषा

русский язык

සිංහල

中文

Español

ភាសាខ្មែរ

Tagalog

Монгол хэл

Deutsch

हिंदी

한국어

Português

ภาษาไทย

Indonesia

Bahasa Melayu

italiano

v.v.

## Trang web chính thức

Thành phố Yokkaichi

English

中文

한국어

Português

Español

Tiếng Việt



Thị trấn Komono

English

简体中文

ภาษาไทย

Português

Español

한국어

繁体中文

සිංහල

Tiếng Việt

Indonesia



Thị trấn Kawagoe

English

中文

한국어

Tiếng Việt



Thị trấn Asahi

English

中文

한국어

Português

Español

Tiếng Việt



# Cẩm nang phòng chống thiên tai

dành cho người nước ngoài

じしん

地震

Động đất

Mặt đất rung chuyển.  
Nhà cửa bị phá hủy.  
Đồ đạc rơi đổ.



つなみ

津波

Sóng thần

Sóng lớn ập đến sau  
động đất.  
Cuốn trôi nhà cửa.



おおあめ

大雨

Mưa lớn

Mưa dữ dội, đường  
phố bị ngập.  
Sông ngòi tràn bờ.



どしゃさいがい

土砂災害

Sạt lở đất

Do động đất/ mưa lớn.  
Núi bị lở, đá và bùn đất  
tràn xuống.



## Cần làm gì khi có động đất

Khi có  
động đất

● Bảo vệ đầu và cơ thể dưới gầm bàn.



Sau khi hết  
rung lắc

● Kiểm tra xem nơi bạn đang ở có an toàn không.

● Kiểm tra xem có sóng thần sắp đến hoặc nhà cửa có bị nứt/ sập không.

● Nếu gần nơi có hỏa hoạn

● Gần biển

● Gần vách đá

Nếu khu vực quanh  
nhà an toàn

Hãy chạy ngay đến "Địa điểm lánh nạn khẩn cấp" hoặc "Địa điểm tránh sóng thần".

Hãy ở lại trong nhà.

## Nơi lánh nạn

ひなんばしょ  
避難場所

Địa điểm lánh nạn  
khẩn cấp



つなみひなんばしょ  
津波避難場所

Địa điểm  
tránh sóng thần



ひなんじょ  
避難所

Trạm sơ tán



- Nơi chạy đến đầu tiên khi thiên tai xảy ra.
- Những nơi rộng như công viên, trường học,...

- Nơi để thoát khỏi sóng thần.
- Các tòa nhà cao tầng, v.v.

- Nơi dành cho những người không thể ở nhà do thiên tai.
- Có thể nhận nước và thức ăn tại đây.



### Kiểm tra Bản đồ nguy hiểm



- Có thể xem các địa điểm lánh nạn và bản đồ những khu vực nguy hiểm qua ứng dụng hoặc trang web.
- Có thể xem nhiều thông tin khác nhau về thiên tai và thời tiết.

#### 【Ngôn ngữ hỗ trợ】

English

简体中文

Português

Tiếng Việt

한국어

Tagalog

Español



▼ Tải xuống tại đây



Dành cho iPhone



Dành cho Android

## Trạm sơ tán là nơi như thế nào?

### Trạm sơ tán là gì?

- Là nơi để sinh sống khi bạn không thể ở lại nhà do thiên tai.
- Bất kỳ ai cũng có thể sử dụng. Việc sử dụng là hoàn toàn miễn phí.
- Bạn có thể nhận được thức ăn, nước uống, chăn màn, v.v.



### Cuộc sống tại trạm sơ tán

- Khi đến nơi, hãy đi đến quầy tiếp tân để làm thủ tục.
- Hãy tuân thủ các quy tắc và phép lịch sự tại trạm sơ tán.
- Hãy kiểm tra bảng thông báo để cập nhật thông tin mới nhất.
- Nếu bạn có thắc mắc, hãy hỏi nhân viên tại quầy tiếp tân.



## Chuẩn bị lánh nạn

- Khi thiên tai xảy ra, các dịch vụ điện, ga và nước có thể bị ngừng cung cấp.
- Đồ ăn và nước uống tại siêu thị sẽ nhanh chóng hết hàng.
- Hãy chuẩn bị sẵn những thứ cần thiết trong túi để có thể đi lánh nạn ngay lập tức.

- ☐ Bàn chải đánh răng
- ☐ Bộ sơ cứu (Thuốc cá nhân)
- ☐ Khẩu trang

- ☐ Tiền mặt
- ☐ Bút và sổ tay
- ☐ Giấy tờ tùy thân

- ☐ Nhà vệ sinh di động
- ☐ Đồ lót
- ☐ Khăn tắm



- ☐ Mũ bảo hiểm
- ☐ Găng tay bảo hộ
- ☐ Đèn pin
- ☐ Pin (Sạc dự phòng)

- ☐ Túi nilon
- ☐ Khăn giấy ướt
- ☐ Áo mưa

- ☐ Đồ ăn dự trữ
- ☐ Nước uống

## Tiếng Nhật hữu ích khi có thiên tai

ひなん  
避難

Lánh nạn

Chạy đến nơi an toàn.

よしん  
余震

Dư chấn

Các trận động đất nhỏ xảy ra sau một trận động đất lớn.

しんすい  
浸水

Ngập lụt

Đường bị ngập/ Nước tràn vào nhà.

はんらん  
氾濫

Tràn bờ

Nước sông dâng cao và tràn ra ngoài.

はつれい  
発令

Phát lệnh

Một thông báo chính thức (như lệnh lánh nạn) đã được ban bố.

ていでん  
停電

Mất điện

Trạng thái không có điện.

だんすい  
断水

Mất nước

Trạng thái không có nước sinh hoạt.

ふっきゅう  
復旧

Phục hồi

Các dịch vụ thiết yếu như điện, nước hoạt động trở lại.

きゅうすいじょ  
給水所

Trạm cấp nước

Nơi bạn có thể đến để nhận nước uống miễn phí.

た だ  
炊き出し

Cấp suất ăn

Hoạt động cung cấp thức ăn tại các trạm sơ tán.

